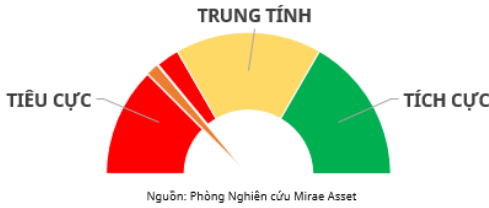


Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn

6 Tháng 09, 2022



Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Nhận định thị trường

Áp lực bán dâng cao xóa bỏ đà tăng trong ngày

Thêm một ngày nữa, nhà đầu tư chứng kiến VN-Index giao dịch trong biên độ hẹp. Mốc 1.280-1.290 điểm trở thành ngưỡng kháng cự ngắn hạn sau khi VN-Index có 4 phiên giao dịch liên tiếp đi ngang trong vùng này. Phiên giao dịch buổi sáng mang tín hiệu tích cực khi VN-Index có thời điểm tăng gần 10 điểm, nhưng lực bán mạnh tại ngưỡng kháng cự 1.280-1.290 điểm trong phiên chiều khiến chỉ số quay đầu giảm về sát tham chiếu, xóa bỏ những điểm số tăng trong ngày. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tiếp tục đi ngang và giữ nguyên 1.277 điểm. Thanh khoản của 3 sàn lần lượt là HOSE: 14.560 tỷ đồng, HNX: 1.376 tỷ đồng, UPCOM: 597 tỷ đồng

Tiếp tục là phiên giao dịch giằng co tuy nhiên thanh khoản đã cải thiện hơn so với 3 phiên trước đó. VN-Index tiếp tục ghi nhận số mã giảm giá (261) lớn hơn số mã tăng điểm (191). Nếu hôm qua, nhóm Thép là tâm điểm thì hôm nay điểm sáng thuộc về nhóm cổ phiếu Điện và Xây dựng khi 2 nhóm này tăng mạnh nhất thị trường với: POW, GEG, PC1 tăng khá từ 1%-3% hay FCN, HBC, VCG, DPG tăng gần 3%, HHV và LCG xanh nhẹ 1,3%.

Khối ngoại hôm nay bán ròng khoảng 250 tỷ đồng, trong đó VIC, HPG và KDH bị bán nhiều nhất với giá trị lần lượt là 34 tỷ, 31 tỷ và 30 tỷ đồng

Phiên giao dịch đi ngang, tuy nhiên điểm số kỹ thuật bị suy giảm. Hiện điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset đang ở mức -4, thể hiện trạng thái TIÊU CỰC trong ngắn hạn. Kết thúc phiên giao dịch hôm nay, hệ số P/E của VN-Index là 13,7x.

Trần Duy Lam, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-4	TIÊU CỰC
VN30	-6	TIÊU CỰC
VN30F1M	-4	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-1	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	0	TRUNG TÍNH
Kospi	-2	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	-4	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	-4	TIÊU CỰC
Dow Jones	-5	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,277.40	0.0	2.0	-5.1
HNX	293.27	0.2	-2.2	-15.1
UPCOM	91.64	-0.1	0.4	-3.2
MSCI EM	967.80	-0.4	-3.5	-26.9
NIKKEI	27,626.51	0.0	-1.9	-6.9
HANG SENG	19,208.88	-0.1	-4.9	-26.6
KOSPI	2,410.02	0.3	-3.2	-24.8
FTSE	7,312.57	0.3	-1.7	1.7
S&P 500	3,924.26	-1.1	-5.3	-13.5
NASDAQ	11,630.86	-1.3	-8.1	-24.3

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Vietnam	13.7	2.1	15.4
Indonesia	16.1	2.2	13.8
Philippines	17.3	1.7	10.1
Malaysia	16.4	1.4	8.9
Thailand	16.6	1.7	9.6

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.0	0	0	0
5 năm	3.1	3	7	233
10 năm	3.6	6	4	155

Tỷ giá ngoại hối

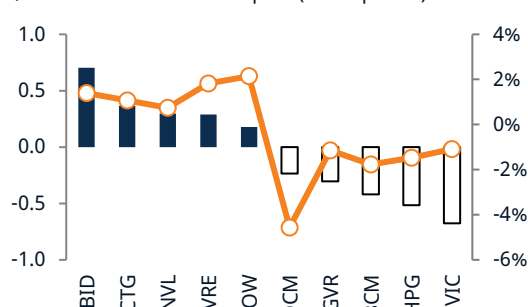
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,531	-0.1	-0.6	-3.2
US\$/KRW	1,372.5	-0.1	-4.8	-15.7
US\$/JPY	141.6	-0.7	-4.7	-22.4
US\$/EUR	1.0	-0.4	2.2	19.0
US\$/GBP	0.9	-0.5	4.3	19.5
US\$/SGD	1.4	0.0	-1.8	-4.3

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	490	586	870
HNX	58	75	110
UPCOM	24	34	67

Các cổ phiếu tác động VN-Index

(points) ■ Index impact (index points) (% DoD)



Bản tin thị trường **Phân tích kỹ thuật**

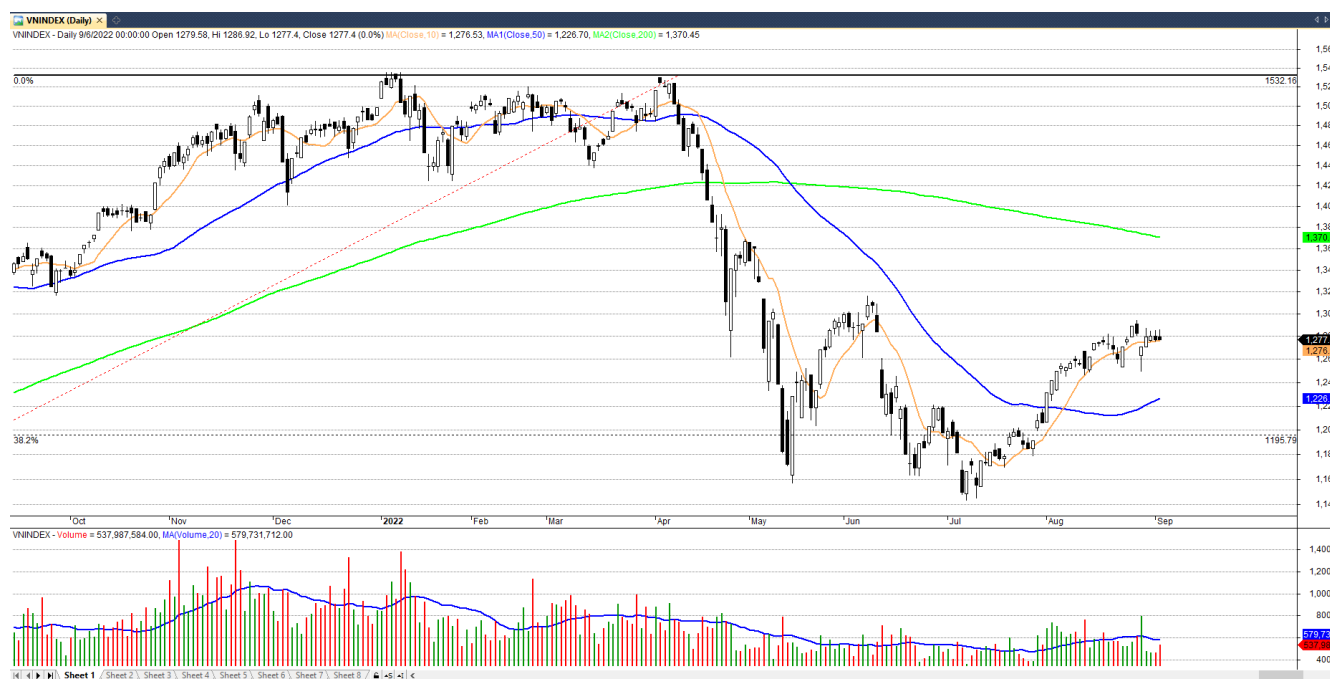
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-4	TIÊU CỰC
VN30	-6	TIÊU CỰC
VN30F1M	-4	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-1	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (06/09/2022)	Kháng cự 1	1.283
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	1.300
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.265
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.230

4 phiên đi ngang liên tục và vùng 1.280-1.290 điểm trở thành ngưỡng kháng cự trong ngắn hạn của VN-index.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fireant

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (06/09/2022)	1.290	Kháng cự 1	1.300
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TIÊU CỰC	Kháng cự 2	1.350
VN30 - đóng cửa	1.299	Hỗ trợ 1	1.265
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-9	Hỗ trợ 2	1.200

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	-4	TIÊU CỰC

Tuy điểm số kỹ thuật theo ngày đang ở mức tiêu cực nhưng các điểm số intra-day được cải thiện về mức trung tính khi VN30F1M chỉ giao dịch trong vùng giá xanh xuyên suốt phiên.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
PET	Bán lẻ	43,450	1,048,455	95	4	
PVT	Vận tải Thủy	22,650	2,696,080	99	5	
PC1	Điện	41,350	1,824,655	96	7	
HDC	Bất động sản	55,900	1,934,305	99	4	

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV	GTGD
POW	14.3	13,638,105	7	KHẢ QUAN	33,489	21.2	1.1	195
PC1	41.35	1,824,655	7	KHẢ QUAN	9,724	19.9	2.0	75
VNM	77.8	2,843,565	6	KHẢ QUAN	162,599	19.2	4.8	221
REE	86.3	1,208,140	6	KHẢ QUAN	30,671	13.1	2.1	104
BVH	59.1	1,257,675	6	KHẢ QUAN	43,871	24.5	2.0	74
MSN	115	633,070	6	KHẢ QUAN	163,728	16.0	5.6	73
PHR	70.8	865,530	6	KHẢ QUAN	9,593	14.4	2.9	61
PAN	25.8	2,031,035	6	KHẢ QUAN	5,389	13.8	1.2	52
NT2	27.8	1,303,885	6	KHẢ QUAN	8,003	8.9	1.8	36
PVT	22.65	2,696,080	5	KHẢ QUAN	7,331	11.4	1.3	61
HDC	55.9	1,934,305	4	KHẢ QUAN	6,042	18.2	3.8	108
IDI	21.7	3,794,405	4	KHẢ QUAN	4,940	9.5	1.4	82
VPI	65.6	927,095	4	KHẢ QUAN	14,432	24.6	4.4	61
PET	43.45	1,048,455	4	KHẢ QUAN	3,903	15.4	2.1	46
HTP	48	920,535	4	KHẢ QUAN	4,407	2,226.4	4.5	44
VHM	61.1	1,925,585	3	TRUNG TÍNH	266,052	9.4	2.2	118
VCG	23.1	3,975,965	3	TRUNG TÍNH	11,224	10.1	1.5	92
BID	40.05	1,551,195	3	TRUNG TÍNH	202,594	15.6	2.2	62
DGW	74	814,160	3	TRUNG TÍNH	12,068	16.4	5.9	60
ASM	16.15	2,973,855	3	TRUNG TÍNH	5,435	6.6	1.0	48
DPG	48.45	822,855	3	TRUNG TÍNH	3,052	8.1	2.0	40
MWG	72.9	3,977,160	2	TRUNG TÍNH	106,704	21.2	4.8	290
DGC	100.6	2,833,885	2	TRUNG TÍNH	37,347	8.1	4.1	285
DCM	36.6	5,409,540	2	TRUNG TÍNH	19,376	5.2	1.9	198
FRT	90.8	1,968,425	2	TRUNG TÍNH	10,757	18.1	5.9	179
DPM	53	3,294,955	2	TRUNG TÍNH	20,741	3.6	1.6	175
HAH	66.8	1,307,185	2	TRUNG TÍNH	4,562	7.3	2.4	87
ANV	53	1,539,100	2	TRUNG TÍNH	6,738	13.8	2.4	82
HDB	26.7	2,779,700	2	TRUNG TÍNH	53,726	7.7	1.6	74

KDC	67	1,098,780	2	TRUNG TÍNH	16,859	29.6	2.5	74
GVR	25.9	2,188,170	2	TRUNG TÍNH	103,600	22.3	2.1	57
IDJ	17.2	2,487,645	2	TRUNG TÍNH	2,984	12.7	1.6	43
HPG	23.55	27,384,656	0	TRUNG TÍNH	136,938	5.0	1.4	645
NKG	22.55	13,193,320	0	TRUNG TÍNH	5,937	3.2	1.0	298
HSG	22.1	12,492,840	0	TRUNG TÍNH	11,014	5.2	0.9	276
PVS	28.1	9,630,685	0	TRUNG TÍNH	13,431	25.5	1.1	271
GEX	25	10,277,325	0	TRUNG TÍNH	21,287	29.5	1.7	257
BSR	25.5	9,847,730	0	TRUNG TÍNH	79,063	12.1	2.1	251
PVD	21.2	11,195,545	0	TRUNG TÍNH	11,785	#N/A N/A	0.8	237
HCM	26.3	8,203,460	0	TRUNG TÍNH	12,025	10.4	1.5	216
MBB	23.65	8,844,355	0	TRUNG TÍNH	107,229	6.8	1.6	209
CTG	28.25	3,715,510	0	TRUNG TÍNH	135,762	9.2	1.3	105
HUT	28.7	3,503,920	0	TRUNG TÍNH	10,006	38.2	2.5	101
HBC	19.85	4,762,835	0	TRUNG TÍNH	5,217	51.3	1.4	95
VHC	91.4	967,375	0	TRUNG TÍNH	16,761	8.1	2.3	88
LPB	15.9	4,641,085	0	TRUNG TÍNH	23,907	4.9	1.0	74
ACB	24.65	2,901,490	0	TRUNG TÍNH	83,254	7.1	1.6	72
GAS	116.5	497,060	0	TRUNG TÍNH	222,975	17.5	3.8	58
FCN	15.45	2,353,080	0	TRUNG TÍNH	2,432	79.0	0.9	36
HAG	12.45	21,897,530	-2	TRUNG TÍNH	11,546	16.1	2.6	273
DXG	26.5	10,176,190	-2	TRUNG TÍNH	16,100	21.7	1.7	270
SHS	13.1	12,933,395	-2	TRUNG TÍNH	10,652	10.5	1.1	169
PDR	55	2,821,415	-2	TRUNG TÍNH	36,941	17.6	4.8	155
HDG	54	2,228,165	-2	TRUNG TÍNH	13,209	9.4	2.7	120
VCB	82.7	1,096,600	-2	TRUNG TÍNH	391,379	15.7	3.2	91
BCG	16.05	5,139,765	-2	TRUNG TÍNH	8,562	9.1	1.2	82
SZC	53.9	1,070,105	-2	TRUNG TÍNH	5,390	23.6	3.7	58
CTD	71.3	773,500	-2	TRUNG TÍNH	5,266	#N/A N/A	0.6	55
PVC	22	2,155,650	-2	TRUNG TÍNH	1,100	282.3	1.5	47
SBT	18.05	2,009,895	-2	TRUNG TÍNH	11,356	13.1	1.3	36
VPB	31.4	13,715,135	-4	TIÊU CỰC	140,530	8.4	1.5	431
SSI	23.75	18,068,070	-4	TIÊU CỰC	35,367	8.9	1.8	429
DIG	38.5	7,886,475	-4	TIÊU CỰC	23,479	21.7	3.1	304
STB	24.7	9,920,240	-4	TIÊU CỰC	46,565	13.0	1.3	245
NVL	82.1	2,943,470	-4	TIÊU CỰC	160,081	49.7	4.3	242
VCI	37.65	5,852,355	-4	TIÊU CỰC	16,397	10.8	2.3	220
SHB	15.5	13,231,890	-4	TIÊU CỰC	41,337	5.7	1.0	205
CII	23.7	7,961,735	-4	TIÊU CỰC	5,977	16.4	1.1	189
CEO	32	5,225,920	-4	TIÊU CỰC	8,235	33.0	2.7	167
TCB	38.65	3,848,625	-4	TIÊU CỰC	135,697	6.7	1.3	149
FPT	85.8	1,608,250	-4	TIÊU CỰC	94,125	19.0	4.8	138
NLG	42	1,807,810	-4	TIÊU CỰC	16,083	21.4	1.9	76
PNJ	114	578,145	-4	TIÊU CỰC	28,044	19.1	3.4	66
TNG	26.8	2,215,105	-4	TIÊU CỰC	2,683	9.2	1.8	59
GMD	50.8	1,047,820	-4	TIÊU CỰC	15,310	18.8	2.2	53
IJC	22.5	2,284,105	-4	TIÊU CỰC	4,885	10.1	1.3	51
AAA	11.9	4,277,290	-4	TIÊU CỰC	4,549	12.9	0.8	51

TCH	11.95	3,976,420	-4	TIÊU CỰC	7,985	17.8	0.9	48
TPB	28	1,658,755	-4	TIÊU CỰC	44,289	8.0	1.5	46
LDG	10.7	4,291,295	-4	TIÊU CỰC	2,562	18.0	0.8	46
LCG	11.45	3,930,150	-4	TIÊU CỰC	2,171	11.5	0.9	45
VRE	28.05	1,479,265	-4	TIÊU CỰC	63,739	49.2	2.0	41
FTS	38.25	1,042,035	-4	TIÊU CỰC	7,461	9.5	2.3	40
MBS	19.3	1,998,065	-4	TIÊU CỰC	6,861	10.1	1.8	39
MIG	22.8	1,589,595	-4	TIÊU CỰC	3,749	19.5	2.1	36
KBC	33.9	7,283,005	-5	TIÊU CỰC	26,022	104.5	1.8	247
IDC	61	3,532,710	-5	TIÊU CỰC	20,130	11.6	3.7	215
DBC	26.75	6,708,150	-5	TIÊU CỰC	6,474	23.7	1.3	179
VIX	13.05	9,995,065	-5	TIÊU CỰC	7,597	7.7	0.9	130
VGC	66.1	1,225,040	-5	TIÊU CỰC	29,636	15.2	3.9	81
HNG	6.57	10,830,445	-5	TIÊU CỰC	7,283	#N/A N/A	2.6	71
VND	21.4	20,187,360	-6	TIÊU CỰC	26,062	5.3	1.8	432
SCR	11.75	4,748,870	-6	TIÊU CỰC	4,305	32.8	0.9	56
VIB	24.6	1,881,555	-6	TIÊU CỰC	51,849	7.2	1.8	46
TCM	44.35	955,120	-6	TIÊU CỰC	3,634	28.6	2.0	42
VPG	27.3	1,441,340	-6	TIÊU CỰC	2,189	5.6	1.4	39
VIC	63.3	1,211,925	-7	TIÊU CỰC	241,422	#N/A N/A	2.3	77
VJC	119.7	580,130	-7	TIÊU CỰC	64,831	679.4	3.8	69
PLX	41.5	1,615,845	-7	TIÊU CỰC	52,730	57.4	2.3	67

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Tỷ giá tham chiếu đồng nhân dân tệ thấp nhất 2 năm

Trung Quốc ấn định tỷ giá tham chiếu cho đồng nhân dân tệ cao hơn ngưỡng 6,9 CNY đổi 1 USD lần đầu tiên sau 2 năm, đồng nghĩa với việc quốc gia này đã chuẩn bị tâm lý cho sự suy yếu mạnh hơn của đồng tiền nội địa trong thời gian tới. Theo đó, trong sáng ngày 6/9, tỷ giá tham chiếu mà Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBoC) đưa ra ở ngưỡng 6,9096 CNY đổi 1 USD, thấp nhất từ giữa năm 2020. Tuy nhiên, mức tỷ giá tham chiếu này vẫn cao hơn dự báo trong 10 ngày liên tiếp, dài nhất kể từ năm 2019. “Đặt tỷ giá tham chiếu ở trên ngưỡng 6,9 là tín hiệu cho thấy PBoC không cố gắng giữ đồng nhân dân tệ ở một mốc cụ thể nào đó. Nhưng việc neo tỷ giá cao hơn so với dự báo thể hiện ý định làm chậm quá trình giảm giá của đồng tiền này”, theo Peiqian Liu, Chuyên gia kinh tế tới từ NatWest Markets. 6,9 CNY/USD là ngưỡng quan trọng cuối cùng trước khi đồng nhân dân tệ thủng ngưỡng tâm lý 7 CNY/USD, điều mà Trung Quốc nỗ lực không để xảy ra trong suốt cuộc chiến thương mại giữa hai nền kinh tế lớn nhất thế giới. Đồng nhân dân tệ vẫn đứng trước áp lực suy yếu trước đồng bạc xanh trong bối cảnh tồn tại sự khác biệt rõ rệt giữa quan điểm chính sách của hai ngân hàng trung ương. Trong khi Trung Quốc duy trì chính sách nới lỏng để hỗ trợ nền kinh tế thì Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) liên tục tăng mạnh lãi suất nhằm sớm kiểm soát lạm phát cao nhất bốn thập kỷ. Đó là bất lợi lớn đối với mục tiêu giữ ổn định giá trị đồng nhân dân tệ trước thềm đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc, dự kiến tổ chức vào tháng 10 tới.

Bổ sung 31.396 tỷ vốn đầu tư công trung hạn cho 7 địa phương

Thủ tướng vừa quyết định điều chỉnh giảm 31.396 tỷ đồng vốn ngân sách trung ương đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của Bộ Giao thông vận tải và chuyển cho 7 địa phương. Trong đó, TP HCM là 10.627 tỷ đồng; TP Hà Nội là 8.400 tỷ đồng; Bình Dương là 4.266 tỷ đồng; Hưng Yên là 3.740 tỷ đồng; Bắc Ninh là 2.110 tỷ đồng; Long An là 1.397 tỷ đồng và Đồng Nai là 856 tỷ đồng. Phó Thủ tướng Lê Minh Khái vừa ký Quyết định số 1012 về việc bổ sung, điều chỉnh, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương. Đây là đợt thứ ba Thủ tướng ra quyết định bổ sung, điều chỉnh vốn đầu tư công cho các đơn vị. Tại quyết định này, Thủ tướng yêu cầu Bộ Kế hoạch & Đầu tư hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo quy định Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước. Thủ tướng yêu cầu các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương gửi báo cáo cho Bộ Kế hoạch & Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 15/9 về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn này cho các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2021- 2025.

POW: góp 30% vốn thành lập Điện khí LNG Quảng Ninh

HĐQT Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power - HoSE:POW) thông qua việc góp 30% vốn và thành lập CTCP Điện khí LNG Quảng Ninh. Các đối tác cùng góp vốn thành lập pháp nhân gồm CTCP Cơ khí và Lắp máy Việt Nam (Colavi - hoạt động chủ yếu trong ngành gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại), Tokyo Gas Co., Ltd (công ty khí đốt của Nhật Bản) và Marubeni Corporation (tập đoàn kinh doanh đa ngành nghề của Nhật Bản). Tới thời điểm hiện tại, vốn điều lệ của pháp nhân mới chưa được tiết lộ

IDI: lần đầu tiên trả cổ tức sau 3 năm, tỷ lệ 15% bằng tiền

Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia - IDI (HoSE: IDI) thông báo 26/9 là ngày đăng ký cuối cùng nhận cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt. Giao dịch không hưởng quyền vào 23/9 và dự kiến thanh toán vào ngày 10/10. Tỷ lệ chi trả đạt 15% (1 cổ phiếu nhận 1.500 đồng). Với gần 228 triệu cổ phiếu đang lưu hành, doanh nghiệp thủy sản cần chi số tiền hơn 341 tỷ đồng để thực hiện. Đáng chú ý khi đây là lần đầu tiên IDI chia cổ tức trở lại kể từ sau đợt trả cổ tức cho năm 2018 (chốt danh sách vào cuối 2019). Kết quả kinh doanh đi lên là điều kiện giúp IDI thực hiện chia cổ tức. Doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp bắt đầu cải thiện từ quý IV/2021 và bùng nổ trong nửa đầu 2022. Doanh thu thuần đạt 4.258 tỷ đồng, tăng 33%; lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 427 tỷ đồng, gấp 10 lần so với cùng kỳ 6 tháng đầu năm 2021. Nếu so với kết quả cả 2 năm 2020 và 2021 cộng lại, con số lợi nhuận này cao hơn 83%. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến thời điểm cuối quý II đạt trên 903 tỷ đồng.

SDV: chốt quyền trả cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 20%

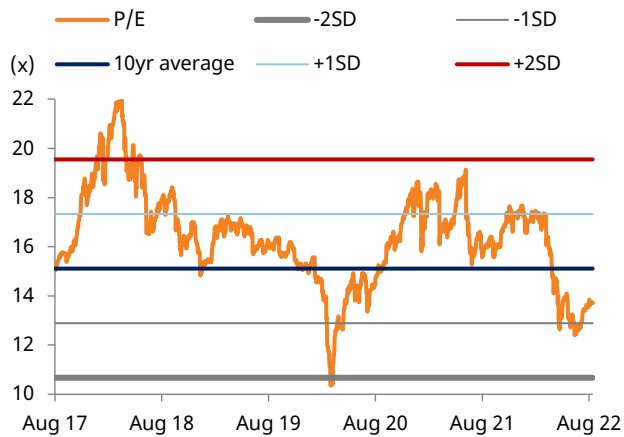
Sonadezi Services (UPCoM: SDV) thông báo ngày 15/9 là ngày cuối cùng lập danh sách cổ đông trả cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt tỷ lệ 20%, cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được nhận 2.000 đồng. Với số lượng cổ phiếu lưu hành 5 triệu đơn vị, doanh nghiệp dự kiến thanh toán cho cổ đông 10 tỷ đồng, ngày thanh toán dự kiến là 28/9. Như vậy, Sonadezi Services tiếp tục duy trì mức cổ tức cao nhất kể từ khi lên sàn chứng khoán. Công ty trả cổ tức cho năm 2020 bằng tiền mặt cũng với tỷ lệ 20%. Trước đó, đơn vị này trả cổ tức tỷ lệ 15% đều đặn cho năm 2011 đến năm 2019.

SMB: tạm ứng cổ tức tỷ lệ 25% bằng tiền

Bia Sài Gòn - Miền Trung (HoSE: SMB) thông báo ngày 21/9 tới sẽ chốt danh sách cổ đông tạm ứng cổ tức 2022 với tỷ lệ 25% bằng tiền, tức cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được nhận 2.500 đồng. Thời gian thanh toán dự kiến từ 29/9. Với 29,8 triệu cổ phiếu đang lưu hành, công ty sẽ chi ra 74,6 tỷ đồng để trả số cổ tức trên. Công ty trong ngành bia này vẫn duy trì đều đặn việc trả cổ tức bằng tiền mặt kể từ khi niêm yết trên HoSE với mức 35% vào năm 2018. Trong đó, Bia Sài Gòn - Miền Trung sẽ tạm ứng trước khoảng 20% trong năm và trả số còn lại trong năm sau. Tính đến ngày 30/6, Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (Sabeco, HoSE: SAB) đang là cổ đông lớn nhất của Bia Sài Gòn - Miền Trung khi nắm giữ 32,4% cổ phần; tiếp theo là CTCP Thương mại Địa Ốc Việt sở hữu 12,5% vốn. Như vậy, Sabeco sẽ nhận về 24 tỷ đồng tiền cổ tức, còn Địa Ốc Việt sẽ nhận về 6,8 tỷ đồng.

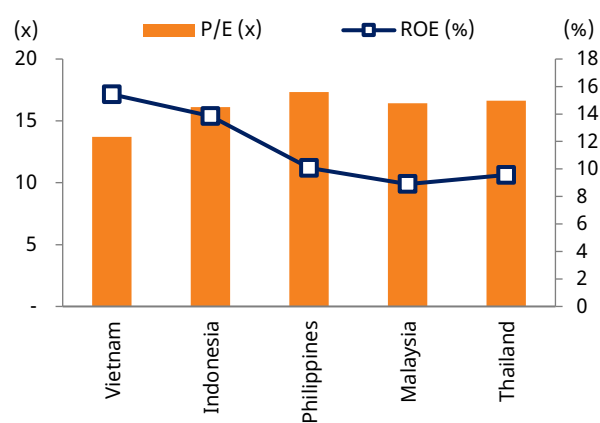
Bản tin thị trường **Chỉ báo tham khảo**

Biểu đồ 2. VN Index: Định giá P/E lịch sử



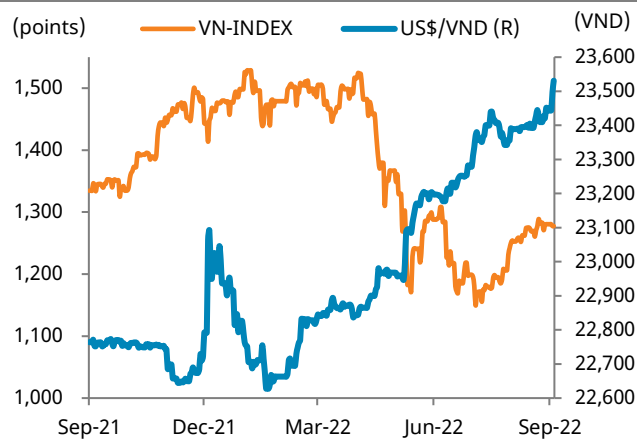
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. Định giá P/E và ROE các thị trường



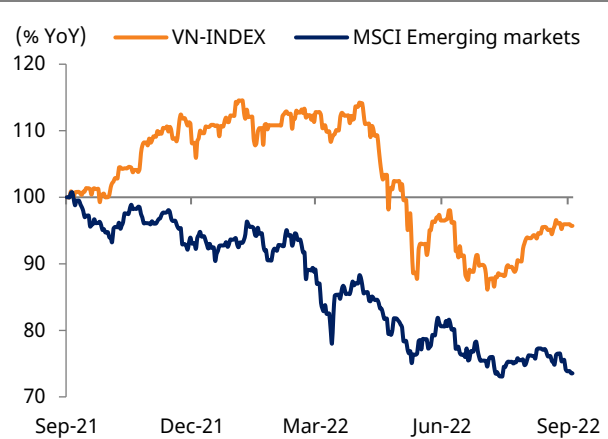
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. VN-Index và USD/VND



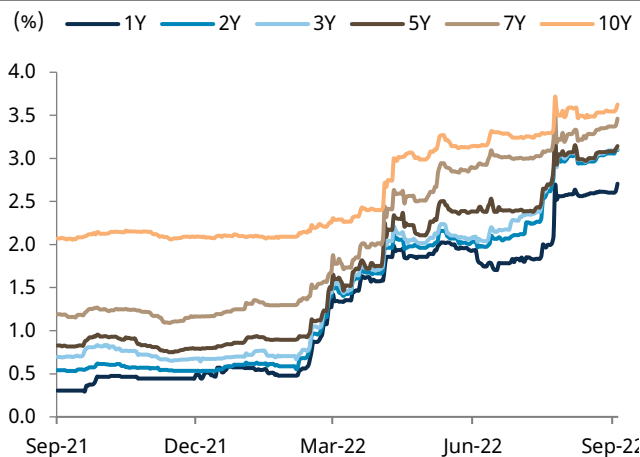
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. VN Index và MSCI Emerging Markets



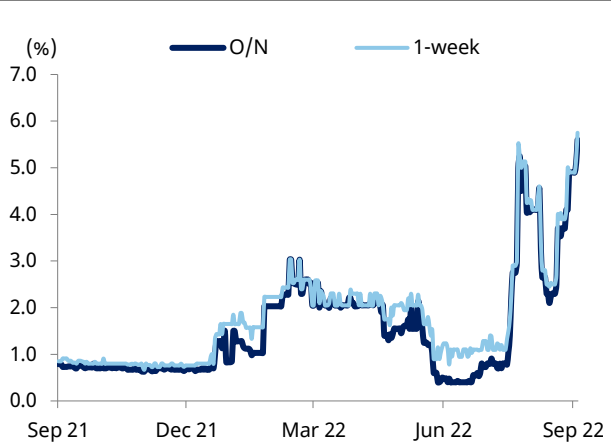
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	VN-Index	1,277.40	5,080,078		0.0	-0.4	2.0	-5.1	17.3	11.3	2.6	2.0	35.1	30.9	15.5	19.1
VN30 Index	VN30	1,299.06	3,525,351		0.1	-0.6	2.1	-9.9	14.4	10.1	2.8	1.9	38.5	20.6	19.6	20.6
Asia Commercial Bank	ACB VN	24,650	83,254	30.0	0.6	-0.6	-0.8	-3.9	9.6	6.4	2.2	1.5	24.6	38.0	23.5	25.0
BIDV	BID VN	40,050	202,594	16.9	1.4	1.6	2.7	28.8	19.1	14.5	2.3	2.0	50.3	60.1	11.0	17.4
Bao Viet Holdings	BVH VN	59,100	43,871	26.5	-0.8	3.7	0.5	4.8	22.9	20.6	2.0	#N/A	21.8	12.1	9.2	9.9
VietinBank	CTG VN	28,250	135,762	26.8	1.1	-0.7	-2.6	-11.9	9.8	6.9	1.7	1.2	18.2	39.8	15.8	19.7
FPT Corp	FPT VN	85,800	94,125	49.0	-0.5	-1.6	0.0	8.5	20.9	17.5	5.0	4.4	21.5	35.0	23.4	29.3
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	116,500	222,975	3.0	0.1	1.1	6.4	28.9	21.8	15.5	3.7	3.8	8.1	73.0	16.8	24.9
Vietnam Rubber Group	GVR VN	25,900	103,600	0.5	-1.1	2.0	4.6	-34.1	45.6	25.2	3.0	#N/A	10.3	-1.2	8.7	8.5
HDBank	HDB VN	26,700	53,726	17.9	1.1	1.5	8.1	1.3	11.0	6.6	2.2	#N/A	42.5	32.2	23.3	23.7
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	23,550	136,938	20.5	-1.5	0.2	1.1	-40.2	6.6	5.5	2.5	1.2	151.5	-22.8	42.8	22.6
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	36,200	25,949	31.9	-1.6	-5.6	-6.5	-2.8	27.5	18.2	3.4	2.1	3.1	22.1	12.2	13.0
MBBank	MBB VN	23,650	107,229	19.4	0.2	0.2	5.3	0.3	9.8	6.2	1.9	1.4	53.0	35.6	23.6	24.5
Masan Group Corp	MSN VN	115,000	163,728	28.9	-0.4	2.5	10.0	5.3	99.2	29.6	9.4	4.3	589.7	-35.8	35.1	14.9
Mobile World Investment Corp	MWG VN	72,900	106,704	49.0	0.6	1.0	16.3	31.4	22.2	18.0	5.2	3.6	18.2	17.2	27.3	25.7
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	82,100	160,081	5.8	0.7	-1.4	1.5	2.6	2282.8	28.3	5.1	4.0	-18.7	59.6	10.6	16.4
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	55,000	36,941	2.6	0.2	-2.3	1.9	-12.8	29.4	#N/A	7.5	#N/A	53.5	#N/A	29.3	#N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	41,500	52,730	17.6	-1.0	-4.6	-0.4	-18.8	21.0	27.6	2.8	2.1	160.6	-15.8	9.7	5.8
Vietnam International Commercial JSC	VIB VN	24,600	51,849	20.5	0.2	-3.1	-5.2	-7.2	13.1	6.2	3.3	1.6	39.0	31.1	29.9	28.2
PetroVietnam Power Corp	POW VN	14,300	33,489	2.4	2.1	0.4	2.1	15.3	15.4	19.7	1.4	1.1	-24.2	-4.1	6.2	5.7
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	188,600	120,946	62.8	0.3	0.3	3.3	26.4	26.5	24.8	4.6	4.9	-22.9	38.4	17.1	21.8
SSI Securities Corp	SSI VN	23,750	35,367	35.4	0.2	-4.2	-4.2	-36.2	23.9	14.3	4.3	#N/A	100.3	-31.6	21.0	11.8
Sacombank	STB VN	24,700	46,565	22.9	0.0	-1.6	-2.2	-10.3	17.0	10.9	1.8	1.2	30.6	38.9	9.5	12.0
Techcombank	TCB VN	38,650	135,697	22.5	0.1	-2.2	0.7	-21.0	10.1	6.2	2.0	1.2	46.1	21.1	21.7	21.1
Tien Phong Bank	TPB VN	28,000	44,289	30.0	0.0	-1.4	-2.8	8.6	12.5	7.2	2.6	1.4	28.5	20.3	22.6	21.6
Vietcombank	VCB VN	82,700	391,379	23.5	0.1	0.2	0.9	5.5	17.6	14.1	3.4	2.8	19.7	40.1	19.6	21.8
Vinhomes JSC	VHM VN	61,100	266,052	23.2	0.2	1.3	-1.1	-26.7	12.0	8.7	3.1	1.8	40.9	-22.4	36.9	21.2
Vingroup JSC	VIC VN	63,300	241,422	12.2	-1.1	-2.6	-3.2	-33.4	#N/A	30.0	3.6	2.2	-145.6	407.5	-2.8	7.6
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	119,700	64,831	16.6	-0.3	-2.7	-5.4	-4.8	#N/A	#N/A	4.1	#N/A	6.1	#N/A	0.5	7.6
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	77,800	162,599	54.9	0.4	1.2	7.2	-11.9	19.1	18.3	5.8	4.8	-5.3	-5.7	29.3	27.4
VPBank	VPB VN	31,400	140,530	17.5	0.3	-0.6	7.0	-7.5	12.9	6.8	2.6	1.4	11.6	74.4	17.9	20.9
Vincom Retail JSC	VRE VN	28,050	63,739	32.0	1.8	-2.8	-3.1	-0.2	31.6	26.3	2.2	2.0	-44.8	84.3	4.4	7.6

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.